

KẾ HOẠCH

Điều chỉnh kịch bản tăng trưởng kinh tế 6 tháng cuối năm 2026 trên địa bàn xã Vĩnh Phong

Căn cứ Kế hoạch số 419/KH-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về điều chỉnh kịch bản tăng trưởng kinh tế 6 tháng cuối năm 2026 tỉnh An Giang;

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh An Giang về cập nhật kịch bản tăng trưởng và các giải pháp trọng tâm trong những tháng cuối năm 2026 nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026, trong đó xã Vĩnh Phong được giao phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2026 là 11%. Qua rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2026, mục tiêu tăng trưởng của xã Vĩnh Phong cơ bản phù hợp với yêu cầu và chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao. Tuy nhiên, kết quả thực hiện trong 6 tháng đầu năm còn một số chỉ tiêu chưa đạt theo tiến độ đề ra; hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn còn chịu tác động của tình hình thị trường, giá cả, thời tiết, chi phí đầu vào và những yếu tố khách quan khác; đồng thời khả năng đóng góp và dư địa tăng trưởng giữa các ngành, lĩnh vực có sự thay đổi so với thời điểm xây dựng kế hoạch đầu năm.

Do đó, cần thiết phải rà soát, cập nhật và điều chỉnh kịch bản tăng trưởng kinh tế của xã Vĩnh Phong trong những tháng cuối năm 2026 theo hướng sát tình hình thực tế, xác định cụ thể khả năng tăng trưởng của từng ngành, lĩnh vực, từng nguồn lực và từng động lực tăng trưởng; đồng thời điều chỉnh lộ trình thực hiện, xác định rõ các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, khả thi và trách nhiệm của từng bộ phận, đơn vị có liên quan, tập trung khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh, qua đó tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng trong những tháng cuối năm, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã Vĩnh Phong năm 2026.

Trên cơ sở đó, UBND xã Vĩnh Phong xây dựng Kế hoạch điều chỉnh kịch bản tăng trưởng 6 tháng cuối năm 2026 với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

Tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, đồng bộ và hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội trong những tháng cuối năm 2026; khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế và các nguồn lực của địa phương; tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc cho sản xuất, kinh doanh; thúc đẩy đầu tư, giải ngân vốn đầu tư công, phát triển thương mại - dịch vụ và nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp.



Phấn đấu đạt mức cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 theo Nghị quyết đã đề ra. Tiếp tục tập trung các nhiệm vụ trọng tâm để phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng 11% năm 2026, bảo đảm tăng trưởng kinh tế gắn với ổn định đời sống Nhân dân, bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả các nguồn lực và bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

II. KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Căn cứ mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 của UBND xã Vĩnh Phong và trên cơ sở tổng giá trị sản phẩm năm 2026, tiềm năng tăng trưởng phát triển của các ngành, lĩnh vực kinh tế trên địa bàn, Ủy ban nhân dân xã điều chỉnh kịch bản tăng trưởng kinh tế các quý còn lại như sau:

1. Mục tiêu quý III/2026: Phấn đấu tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn đạt từ 13,2%.

Lũy kế 9 tháng đầu năm: Phấn đấu tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn đạt 11% trở lên.

2. Mục tiêu quý IV/2026: Phấn đấu tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn đạt từ 14,5%.

Lũy kế cả năm 2026: Phấn đấu tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn đạt từ 11% trở lên.

(Chi tiết theo phụ lục kèm theo)

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã, các ngành có liên quan và Trưởng ấp các ấp trên địa bàn xã, căn cứ Kế hoạch này để tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp, với thời gian và lộ trình, nguồn lực cụ thể để đạt kết quả cao nhất kịch bản tăng trưởng năm 2026 với phương châm **“Kỷ cương trách nhiệm; chủ động kịp thời; đổi mới sáng tạo; tăng tốc đột phá”** và tinh thần **“06 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền”**. Trong đó, các cơ quan, đơn vị, các ấp trên địa bàn cần tập trung một số giải pháp trọng tâm như sau:

1. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp duy trì tăng trưởng các ngành, lĩnh vực chủ yếu

a) Lĩnh vực nông, lâm, thủy sản

Tiếp tục xác định nông nghiệp, thủy sản là lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế địa phương; tập trung nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm; tổ chức sản xuất phù hợp với điều kiện thực tế, thích ứng với biến đổi khí hậu và yêu cầu thị trường.

Đối với sản xuất lúa, tập trung theo dõi diện tích, năng suất, sản lượng và tình hình tiêu thụ; khuyến khích áp dụng tiến bộ kỹ thuật, sử dụng giống phù hợp, giảm chi phí sản xuất và nâng cao giá trị trên đơn vị diện tích.

Đối với thủy sản, duy trì diện tích và sản lượng theo kế hoạch; khuyến khích phát triển các mô hình nuôi phù hợp, vận động Nhân dân duy trì thực hiện

hiệu quả các mô hình nuôi kết hợp tôm - cua - cá và các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao, nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng cường kiểm soát dịch bệnh, bảo đảm an toàn môi trường và hạn chế rủi ro trong sản xuất.

Đối với chăn nuôi, khuyến khích phát triển theo hướng an toàn sinh học, kiểm soát dịch bệnh, nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế; hướng dẫn người dân thực hiện tốt các quy định về vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường.

Tiếp tục củng cố hoạt động của hợp tác xã, tổ hợp tác; thúc đẩy liên kết giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp; hỗ trợ xây dựng, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng của địa phương.

b) Lĩnh vực công nghiệp

Thường xuyên rà soát, cập nhật tình hình hoạt động của các doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn; xác định các cơ sở có khả năng mở rộng sản xuất, tăng sản lượng hoặc đầu tư mới trong những tháng cuối năm để tập trung hỗ trợ.

Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở sản xuất duy trì và mở rộng hoạt động; kịp thời nắm bắt khó khăn về mặt bằng, vốn, lao động, nguyên liệu, thị trường và thủ tục hành chính để hướng dẫn, hỗ trợ theo thẩm quyền.

Khuyến khích các cơ sở ứng dụng máy móc, công nghệ mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết giảm chi phí sản xuất và mở rộng thị trường tiêu thụ.

Tăng cường kết nối với các chương trình khuyến công, xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp, quảng bá sản phẩm và xây dựng thương hiệu.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

c) Lĩnh vực xây dựng và đầu tư công

Tập trung rà soát toàn bộ danh mục công trình, dự án đang triển khai trên địa bàn; xác định rõ tiến độ thực hiện, khối lượng hoàn thành, giá trị giải ngân và số vốn còn phải thực hiện trong năm 2026.

Đối với các công trình có khả năng hoàn thành trong năm, tập trung tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thi công, nghiệm thu và thanh toán khối lượng hoàn thành.

Đối với công trình còn vướng mắc, xác định cụ thể nguyên nhân, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị và thời hạn xử lý; chủ động tham mưu cấp có thẩm quyền tháo gỡ những vấn đề vượt thẩm quyền.

Phân đấu giải ngân tối đa kế hoạch vốn được giao, bảo đảm đúng quy định, đúng đối tượng, tiết kiệm và hiệu quả.

Tăng cường quản lý trật tự xây dựng, quản lý quy hoạch và chất lượng công trình; kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định.



Tăng cường phối hợp trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ thi công. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, kịp thời tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện dự án. Phấn đấu tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công đạt 100% kế hoạch vốn được giao. Khối lượng giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án trên địa bàn theo tiến độ đạt 100%.

d) Lĩnh vực thương mại, dịch vụ và du lịch

Tạo điều kiện phát triển các loại hình thương mại, dịch vụ đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của Nhân dân; khuyến khích mở rộng mạng lưới phân phối, đa dạng hóa hàng hóa và nâng cao chất lượng phục vụ.

Rà soát số lượng, tình hình hoạt động và khả năng mở rộng sản xuất kinh doanh của các hộ kinh doanh; hướng dẫn hộ kinh doanh thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định, từng bước nâng cao năng lực quản trị và khả năng tiếp cận thị trường.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thương mại điện tử trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; tăng cường hướng dẫn các hộ kinh doanh sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt, mã QR và các nền tảng số trong tiêu thụ sản phẩm. Qua đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh của hộ kinh doanh.

Hỗ trợ khởi nghiệp, chuyển đổi mô hình kinh doanh. Tổ chức mở các lớp tập huấn về khởi nghiệp, quản trị kinh doanh. Hướng dẫn thủ tục pháp lý, tiếp cận chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển, góp phần mở rộng quy mô sản xuất – kinh doanh và tăng thu ngân sách địa phương.

Khuyến khích phát triển các mô hình du lịch sinh thái, trải nghiệm nông nghiệp gắn với quảng bá sản phẩm OCOP và các sản phẩm đặc trưng của địa phương; tăng cường liên kết, hợp tác với các địa phương trong và ngoài tỉnh để quảng bá hình ảnh và sản phẩm của địa phương.

2. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ những điểm nghẽn, khó khăn, vướng mắc cho sản xuất kinh doanh

Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp; thực hiện hiệu quả cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong tiếp nhận, xử lý hồ sơ; phấn đấu 100% hồ sơ thuộc thẩm quyền được giải quyết đúng hạn và trước hạn; thực hiện cắt giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

Tăng cường công tác đối thoại, kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người dân; tạo điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

3. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp tăng thu ngân sách và thúc đẩy giải ngân các nguồn vốn đầu tư năm 2026

Thực hiện có hiệu quả các biện pháp quản lý thu, chi ngân sách; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong điều hành ngân sách, bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả. Rà soát, huy động đủ nguồn lực để thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên chi đầu tư phát triển, nhất là các dự án trọng điểm, quan trọng, cấp bách; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, nhất là các khoản chi chưa thực sự cần thiết. Tham mưu, đề xuất, điều hành có hiệu quả dự toán ngân sách Nhà nước năm 2026, đảm bảo hoàn thành dự toán thu ngân sách Hội đồng nhân dân xã giao (40,30 tỷ đồng); phấn đấu tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 51,953 tỷ đồng (theo Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh An Giang); thu nhập bình quân trên đầu người đạt 74 triệu đồng/người/năm theo Nghị quyết HĐND xã, phấn đấu đạt 80 triệu đồng/người/năm (theo Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh An Giang).

Tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng chặt chẽ, có hiệu quả, đúng quy định của pháp luật về tài sản công, nhất là đất đai, trụ sở; rà soát, thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với cơ sở nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn xã theo đúng quy định của pháp luật.

Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc tiến độ thi công và giải ngân các nguồn vốn đầu tư công. Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh, bảo đảm các công trình thực hiện đúng tiến độ, phát huy hiệu quả đầu tư.

4. Nhóm giải pháp cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi nhiệm vụ. Thực hiện tốt công tác tiếp dân, tiếp nhận, phân loại và giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân. Đẩy mạnh giải quyết các đơn thư khiếu tố thuộc thẩm quyền; thường xuyên kiểm tra tiến độ thực hiện của các cơ quan chức năng; tập trung vào các vụ việc phức tạp để giải quyết dứt điểm không để tồn đọng, kéo dài; xem xét trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị có nhiều hạn chế. Thực hiện tốt công tác phòng chống tham nhũng năm 2026; đấu tranh, phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời các biểu hiện tham nhũng và lãng phí theo quy định. Tăng cường đối thoại giữa người đứng đầu chính quyền địa phương với Nhân dân. Phấn đấu đến cuối năm 2026 tỷ lệ giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền từ 95% trở lên.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Về công tác triển khai

Căn cứ nội dung kế hoạch này giao các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị - xã hội xã, Trưởng ấp các ấp trên địa bàn để triển khai thực hiện các giải pháp một cách đồng bộ và hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, thường xuyên theo dõi các hoạt động kinh tế, xã hội trên địa bàn nhằm kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân xã những giải pháp tháo gỡ vướng mắc của các cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã và các giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.



Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nêu cao tinh thần, trách nhiệm chủ động, sáng tạo với tinh thần quyết tâm cao, hành động quyết liệt, chú trọng công tác phối hợp, nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt các mục tiêu theo kịch bản đã đề ra; thường xuyên kiểm tra đôn đốc, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, cập nhật báo cáo đầy đủ tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

Các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch, chương trình công tác của cơ quan, đơn vị mình cụ thể và đầy đủ; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện các giải pháp một cách đồng bộ và hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra theo từng quý của năm.

Giao Phòng Kinh tế chủ trì, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch điều chỉnh kịch bản tăng trưởng 6 tháng cuối năm 2026; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân kết quả tổ chức thực hiện; tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung nếu cần thiết.

2. Chế độ báo cáo

2.1. Đối với báo cáo Quý III và 9 tháng

Các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo ước kết quả thực hiện về Phòng Kinh tế chậm nhất: Trước ngày 16/9/2026 (báo cáo quý III và 9 tháng); trước ngày 16/12/2026 (báo cáo quý IV).

Ngoài ra, căn cứ tình hình thực tế và yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng ủy và Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã sẽ ban hành văn bản chỉ đạo cụ thể, giao Phòng Kinh tế chủ động theo dõi, tham mưu thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

2.2. Đối với báo cáo năm 2026

Căn cứ tình hình thực tế và hướng dẫn của Sở Tài chính, giao Phòng Kinh tế tham mưu Ủy ban nhân dân xã ban hành văn bản hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện và tổng hợp báo cáo tổng kết năm 2026 theo quy định.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2026 của UBND xã Vĩnh Phong về điều chỉnh kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026 trên địa bàn xã Vĩnh Phong./. *hmr*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- TT. Đảng ủy xã;
- TT. HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT.UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã;
- Trưởng ấp các ấp trên địa bàn;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, PKT.



Nguyễn Văn Sỹ

PHỤ LỤC
CHỈ TIÊU KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số 3425/KH-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2026 của UBND xã Vĩnh Phong)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026 (theo NQ HĐND xã)	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Quý III	Quý IV	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2026	Cơ quan thực hiện
A	B	C	D	E				F	
I	Chỉ tiêu kinh tế								
1	Tốc độ tăng tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	%	27,47	25,58	27,92	17,80	17,80	25,58	Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với Thuế cơ sở 6 và các ngành có liên quan
	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	40,69	40,30	40,191	6,01	10,00	56,200	
2	Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn	%	6,77	11	11,02	13,2	14,5	11	Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với Thống kê cơ sở Vĩnh Phong và các ngành có liên quan
3	Tổng giá trị sản xuất một số ngành chủ yếu (giá 2010)	Tỷ đồng	3.067,900	3.436,591	1.893,661	393,439	1.149,491	3.436,591	
	Nông - Lâm - Thủy sản	Tỷ đồng	2.131,200	2.440,985	1.415,771	244,098	781,116	2.440,985	
	Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	936,700	995,606	477,89	149,341	368,375	995,606	
4	Thương mại - Dịch vụ (theo giá hiện hành)	Tỷ đồng	1.405,400	1.798,74	1.259,116	179,874	359,75	1.798,74	
5	Tổng sản lượng lúa	tấn	47.777,13	44.040,00	43.907,00	0	0	44.040,00	Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ấp trên địa bàn xã
6	Tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản	tấn	16.075,40	15.707,00	8.180,70	4.712,00	3.927,00	15.707,00	
	Trong đó: Sản lượng nuôi trồng	tấn	10.020,40	9.476,00	4.784,40	2.842,40	1.897,00	9.476,00	
	Trong đó: Sản lượng tôm	tấn	8.110,20	7.622,00	4.310,60	1.875,00	2.299,00	7.622,00	
7	Thành lập hợp tác xã	HTX	2	1			1	1	
8	Thành lập tổ kinh tế hợp tác	TKTHT	2	2			2	2	
9	Tổng chi ngân sách	Tỷ đồng	341,063	190,894	112,327	31,427	47,140	190,894	Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan
10	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	650.000	15.577	8.372	2.669	4.536	15.577	Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với Thống kê cơ sở Vĩnh Phong và các cơ quan, đơn vị có liên quan

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị						Chỉ tiêu phần đầu năm 2026	Cơ quan thực hiện
			Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026 (theo NQ HĐND xã)	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Quý III	Quý IV		
11	Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công	%			52,82	89,86	100	100	Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, các ngành có liên quan
12	Khối lượng giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án trên địa bàn theo tiến độ	%			96,61		100	100	
II	Chỉ tiêu xã hội	%							
13	Thu nhập bình quân đầu người		70	74	0	73	80	80	Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với Thống kê cơ sở Vĩnh Phong và các cơ quan, đơn vị có liên quan
14	Giới thiệu, giải quyết việc làm	Người/năm	1.473	1.200	660	300	300	1200	Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan
15	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	75,50	76,00	0,0	75,8	76,00	76	
	Trong đó:								
	Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ	%	50,80	51,00		51,00	51,00	51	
	Duy trì tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động	Dưới %	1,09	1,09		1,09	1,09	1,09	
16	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều	Giảm %	0,82	0,68			0,68	0,68	Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, các ngành có liên quan
17	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	27,72	36,36	36,36	27,72	27,72	27,72	Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì, phối hợp với các đơn vị trường học trực thuộc UBND xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan
18	Huy động học sinh trong độ tuổi đến trường	%							Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì, phối hợp với các đơn vị trường học trực thuộc UBND xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan
	- Trẻ 5 tuổi học mầm non	%	100	99	100	100	100	100	
	- Học sinh tiểu học	%	99,85	98,87	100	100	100	100	
	- Học sinh trung học cơ sở	%	99,39	98,87	100	100	100	100	
19	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	100	95	100	100	100	100	Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm xã hội cơ sở U Minh Thượng, các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ấp trên địa bàn xã
20	Tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội	%	15,44	15,44	16,24	16,24	16,43	16,43	
	Bắt buộc	"	7,79	7,79	7,6	7,6	7,79	7,79	
	Tự nguyện	"	7,65	7,65	8,64	8,64	8,64	8,64	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị						Chỉ tiêu phần đầu năm 2026	Cơ quan thực hiện
			Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026 (theo NQ HĐND xã)	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Quý III	Quý IV		
21	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền được giải quyết đúng hạn và trước hạn	%			99,78			100	Trung tâm phục vụ Hành chính công chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan
22	Tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính	%			71			Tối thiểu 30%	
23	Tỷ lệ giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền	%			100			Từ 95% trở lên	Văn phòng HĐND và UBND xã chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan
IV Chỉ tiêu môi trường									
24	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch	%	70	75	72	74	75	75	Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với các Trạm cấp nước, các ngành có liên quan
25	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt	%	85	85	84	85	85	85	Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan